

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023

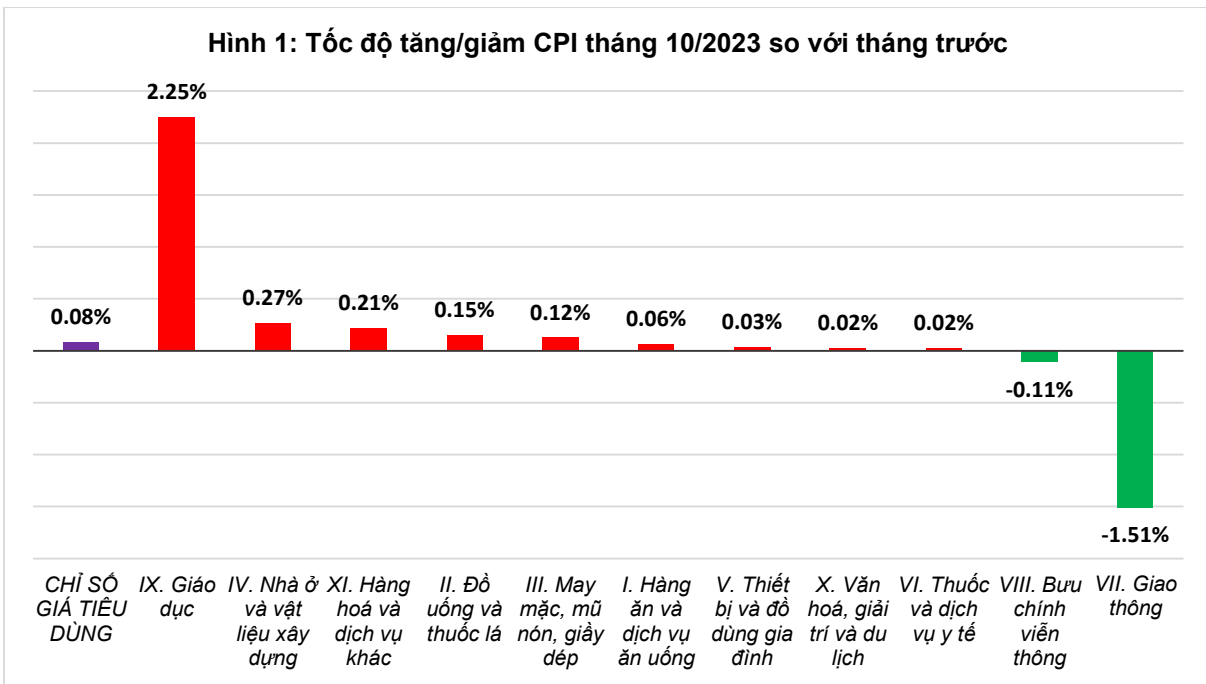
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ
THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2023**

Một số địa phương thực hiện tăng học phí, giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2023 tăng nhẹ 0,08% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười tăng 3,2% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,59%.

Bình quân 10 tháng năm 2023, CPI tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,38%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 10 NĂM 2023

So với tháng trước, CPI tháng 10/2023 tăng 0,08% (Khu vực thành thị tăng 0,15%; khu vực nông thôn giữ ổn định). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước và 2 nhóm giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 10/2023 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,06%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 10/2023 tăng 0,06% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm, trong đó lương

thực tăng 0,9%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm; thực phẩm giảm 0,14%, tác động giảm 0,03 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,21%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,9%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 10/2023 tăng 0,9% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 1,14% (Gạo tẻ thường tăng 1,26%; gạo tẻ ngon tăng 0,84% và gạo nếp tăng 0,36%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu do nhu cầu tại các thị trường châu Á và châu Phi tăng lên, đặc biệt là sau khi In-đô-nê-xi-a thông báo sẽ nhập khẩu 1,5 triệu tấn gạo dự trữ quốc gia đến cuối năm 2023 mà Việt Nam và Thái Lan là hai nguồn cung gạo chính.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.200-17.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 19.300-22.700 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 19.900-22.400 đồng/kg; giá gạo nếp từ 25.600-40.000 đồng/kg.

Giá gạo tăng tác động đến giá các mặt hàng lương thực chế biến và ngũ cốc khác như giá khoai tháng Mười tăng 2,2% so với tháng trước; ngô tăng 0,23%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,66%; bột mỳ tăng 0,29%; miến tăng 0,17%; mỳ sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền tăng 0,15%; bột ngô tăng 0,54%.

1.2. Thực phẩm (-0,14%)

Giá thực phẩm tháng 10/2023 giảm 0,14% so với tháng trước, chủ yếu do giá thịt lợn giảm 1,41%, tác động làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm. Tính đến ngày 25/10/2023, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 48.000-54.000 đồng/kg. Tình hình dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số vùng khiến người dân bán lượng lợn lớn ra thị trường, trong khi sức mua chưa có nhiều cải thiện do người dân tiết kiệm chi tiêu nên giá bán lẻ giảm. Theo đó, giá mỡ động vật giảm 1,33% so với tháng trước; thịt quay, giò, chả giảm 0,3%; thịt chế biến khác giảm 0,03%.

Ở chiều ngược lại, có một số mặt hàng tăng giá:

- Mưa bão xảy ra ở các tỉnh miền Trung nên hoạt động khai thác thủy hải sản gặp khó khăn, nguồn cung giảm làm cho giá thủy sản chế biến tăng 0,39% so với tháng trước.

- Giá nước mắm, nước chấm tăng 0,43% so với tháng trước; đường, mật tăng 0,41%; giá chè, cà phê, ca cao tăng 0,23%; sữa, bơ, pho mát tăng 0,19%.

- Các loại đậu và hạt tăng 0,33% so với tháng trước; giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,25%, trong đó giá su hào tăng 1,07%, rau muống tăng 2,77%, măng tươi tăng 0,53%, rau gia vị tăng 1,68%, rau tươi khác tăng 1,29% do các đợt mưa lớn kéo dài khiến nhiều diện tích gieo trồng bị ngập úng, dập nát làm cho nguồn cung giảm.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,21%)

Giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tháng 10/2023 tăng 0,21% so với tháng trước do giá nguyên liệu chế biến ở mức cao và chi phí nhân công tăng. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 0,21% so với tháng trước; uống ngoài gia đình tăng 0,38% và đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,05%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,15%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 10/2023 tăng 0,15% so với tháng trước do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống và tỷ giá đô la Mỹ tăng. Cụ thể, giá rượu bia tăng 0,2%; nước quả ép tăng 0,17%; nước giải khát có ga tăng 0,05% và thuốc hút tăng 0,04%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 10/2023 tăng 0,12% so với tháng trước do chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm quần áo mùa đông tăng. Trong đó, giá vải các loại và mũ nón cùng tăng 0,16%; giày dép tăng 0,14%; quần áo may sẵn tăng 0,1%; dịch vụ may mặc tăng 0,26%; dịch vụ sửa chữa giày dép tăng 0,48%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,27%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 10/2023¹ tăng 0,27% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,05 điểm phần trăm do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá gas tăng 4,72% so với tháng trước, nguyên nhân là từ ngày 01/10/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 20.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 52,5 USD/tấn (từ mức 555 USD/tấn lên mức 607,5 USD/tấn).

- Giá nước sinh hoạt tăng 0,48%, chủ yếu do một số nơi điều chỉnh tăng giá nước sinh hoạt.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,29% so với tháng trước do giá nhân công lao động tăng.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng trong tháng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,09% do giá thép giảm khi nhu cầu tiêu thụ chậm.

- Giá điện sinh hoạt giảm 0,79% do nhu cầu tiêu dùng giảm khi vào mùa mưa, thời tiết mát.

- Giá dầu hỏa giảm 0,58% chủ yếu do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá ngày 02/10/2023, 11/10/2023 và 23/10/2023.

¹ Trong nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng, chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 10/2023 phản ánh biến động trẻ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng Chín.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 10/2023 tăng 0,03% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng như: Giá thiết bị gia đình có động cơ tăng 0,38%; ổn áp điện tăng 0,13%; máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 0,55%; nồi cơm điện tăng 0,11%; lò vi sóng tăng 0,36%; tủ các loại tăng 0,24%; đệm tăng 0,11%; sửa chữa ti vi tăng 0,36%. Ở chiều ngược lại, giá máy giặt giảm 0,25%; bình nước nóng nhà tắm giảm 0,14%; quạt điện giảm 0,24%; máy đánh trứng, trộn đa năng giảm 0,73% do nhiều siêu thị thực hiện chương trình khuyến mại để kích cầu.

6. Giao thông (-1,51%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 10/2023 giảm 1,51% so với tháng trước làm CPI chung giảm 0,15 điểm phần trăm, chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 02/10/2023, 11/10/2023 và 23/10/2023 làm cho giá xăng giảm 4,59% so với tháng trước; giá dầu diezen giảm 0,73%.

- Giá xe ô tô mới, xe máy và xe ô tô đã qua sử dụng lần lượt giảm 0,12%; 0,02% và 0,11% do nhiều hãng xe đưa ra thị trường mẫu mã hoàn toàn mới nên giảm giá bán để kích cầu tiêu dùng.

Ở chiều ngược lại có một số mặt hàng tăng giá:

- Giá phụ tùng ô tô tăng 0,05%; lốp, sắm xe máy tăng 0,17%; phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,25%.

- Giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 4,85% so với tháng trước, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 24,82%; đường bộ tăng 0,03%; vé xe buýt tăng 0,51%; taxi tăng 0,49%.

- Dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,23%, dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,35%, dịch vụ trông giữ xe tăng 0,05% do chi phí nhân công tăng.

7. Giáo dục (+2,25%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Mười tăng 2,25% so với tháng trước, trong đó giá dịch vụ giáo dục tăng 2,54%² do một số địa phương thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và một số trường đại học, cao đẳng công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024 để bảo đảm thu chi thường xuyên. Bên cạnh đó, giá vở, giấy viết các loại tháng Mười tăng 0,11% so với tháng trước; giá bút viết tăng 0,16%; giá văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,2%.

² Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 10/2023 tăng cao so với tháng trước: Lai Châu tăng 57,94%; Ninh Thuận tăng 41,54%; Cao Bằng tăng 40,42%; Nam Định tăng 28,67%; Bắc Ninh tăng 8,12%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,68%; Trà Vinh tăng 7,67%.

8. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 10/2023 tăng 0,21% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở mặt hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,22%; đồ trang sức tăng 0,64%; đồng hồ đeo tay tăng 0,53%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,49%; dịch vụ về hỉ tăng 0,51% do nhu cầu tăng.

9. Chỉ số giá vàng (+0,92%)

Giá vàng trong nước biến động ngược chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/10/2023, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.909,36 USD/ounce, giảm 2,11% so với tháng 9/2023 do xu hướng tỷ giá đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì lập trường giữ lãi suất ở mức cao để kéo lạm phát về 2%. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 10/2023 tăng 0,92% so với tháng trước; tăng 5,87% so với tháng 12/2022; tăng 8,28% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 2,81%.

10. Chỉ số giá đô la Mỹ (+1,2%)

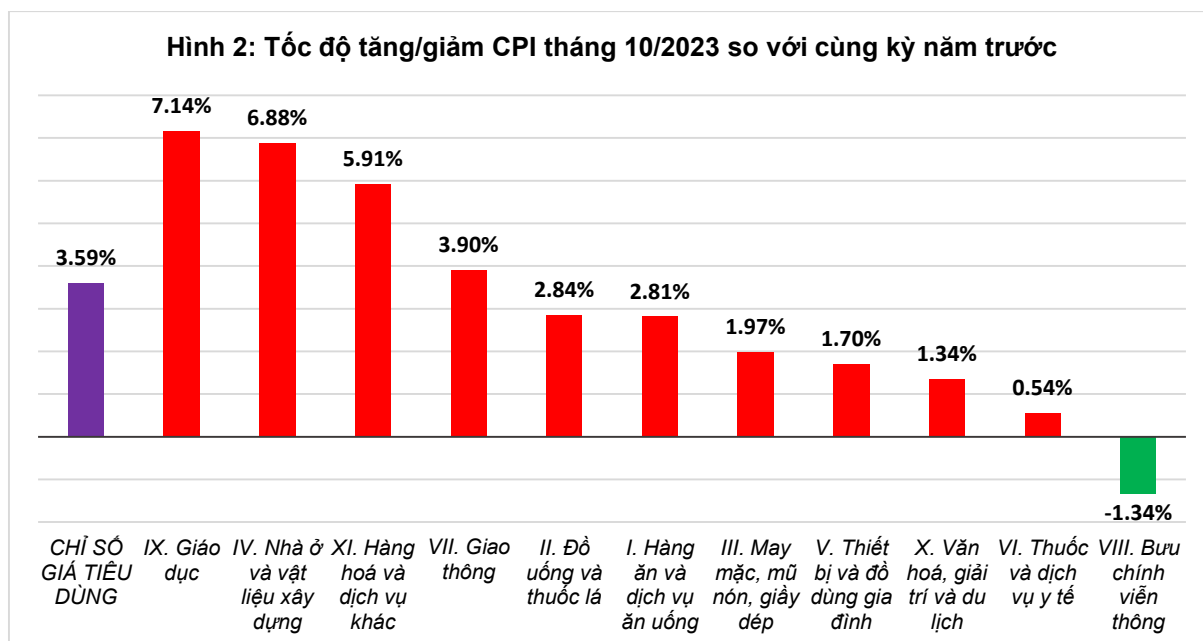
Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ có xu hướng tăng khi nhiều dấu hiệu cho thấy nền kinh tế Mỹ đang đứng vững trước những đợt tăng lãi suất nằm trong chiến dịch kiềm chế lạm phát của FED. Thêm vào đó, căng thẳng địa chính trị đang diễn ra ở Trung Đông khiến các nhà đầu tư tìm đến USD như một kênh trú ẩn an toàn. Tính đến ngày 25/10/2023, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 106,02 điểm, tăng 1,35% so với tháng trước.

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.582 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2023 tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 1,56% so với tháng 12/2022; tăng 1,79% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 2,24%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 10 từ năm 2019 đến năm 2023

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
CPI tháng 10 so với tháng trước	0,59	0,09	-0,20	0,15	0,08
CPI tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	2,24	2,47	1,77	4,30	3,59
CPI tháng 10 so với tháng 12 năm trước	2,79	0,09	1,67	4,16	3,20
CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,48	3,71	1,81	2,89	3,20

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 10/2023 tăng 3,59%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tăng:

- Nhóm giáo dục tăng 7,14% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,44 điểm phần trăm, nguyên nhân do một số địa phương tăng học phí trường công lập năm học 2023-2024 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, các trường dân lập và tư thục cũng tăng học phí để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,88%, làm CPI chung tăng 1,29 điểm phần trăm do giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm giao thông tháng 10/2023 tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm, trong đó giá xăng dầu tăng 7,22% do từ tháng 10/2022 đến nay giá xăng A95 tăng 680 đồng/lít; xăng E5 tăng 870 đồng/lít.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,84% làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm, do chi phí đầu vào sản xuất tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,81%, tác động làm CPI chung tăng 0,94 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực tăng 11,34%; thực phẩm tăng 0,93%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4%.

- Bên cạnh đó, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng Mười tăng 1,97% so với cùng kỳ năm trước; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,7%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,34%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,54%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,91%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 10/2023 giảm 1,34% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại cố định và di động giảm.

So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười tăng 3,2%, trong đó có 10 nhóm hàng tăng giá và 1 nhóm hàng giảm giá.

Các nhóm hàng có chỉ số giá tăng:

- Nhóm giáo dục tháng Mười tăng 7,47% so với tháng 12/2022 do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 15/10/2021.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,16% chủ yếu do giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm giao thông tăng 4,54% so với tháng 12/2022, trong đó giá xăng dầu tăng 9,28% do từ đầu năm đến nay, giá xăng dầu trong nước đã điều chỉnh 30 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 2.320 đồng/lít; xăng E5 tăng 2.390 đồng/lít và dầu diezen tăng 880 đồng/lít.

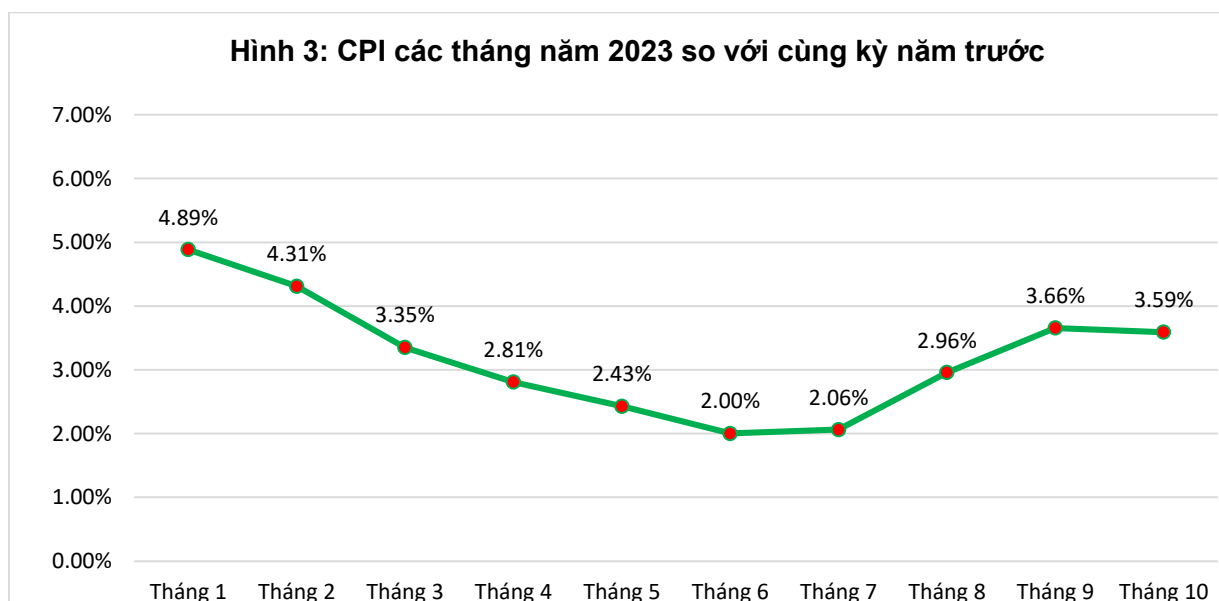
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,72% do giá lương thực tăng 10,15% chủ yếu do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo thế giới; thực phẩm tăng 1,19%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,49%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,12% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

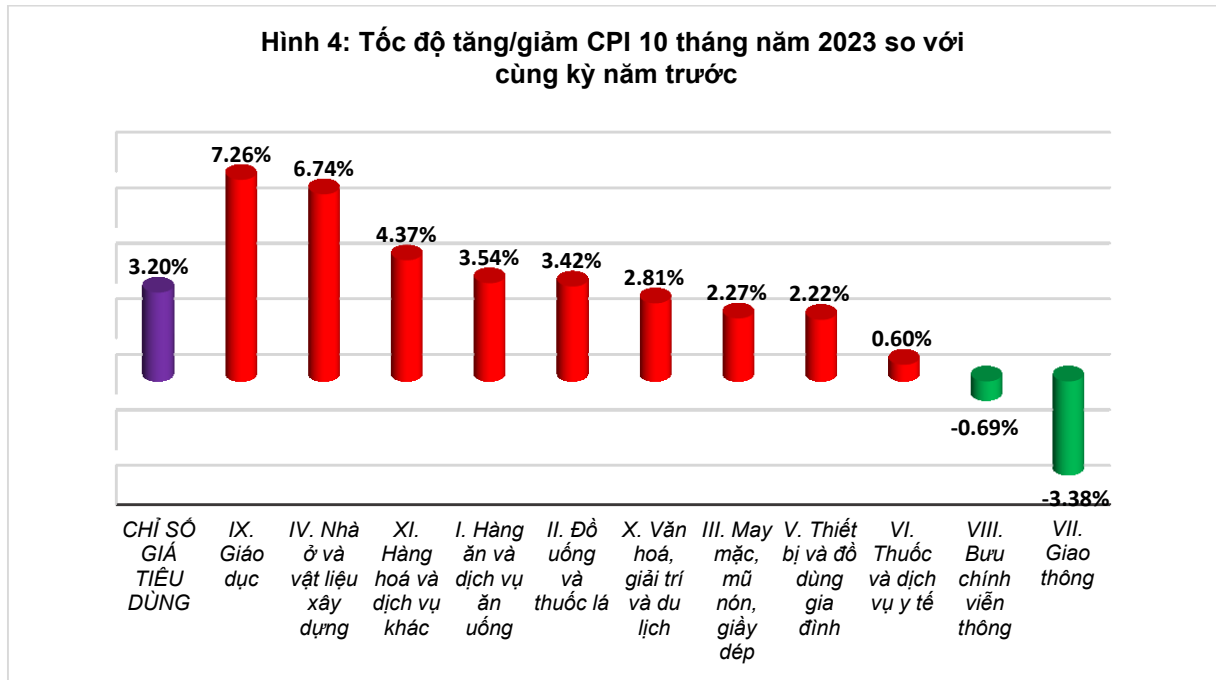
- Bên cạnh đó, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,33%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,27%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch 1,03%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,4%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,43%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng Mười giảm 1,27% so với tháng 12/2022 do giá điện thoại thế hệ cũ giảm.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 10 THÁNG NĂM 2023



So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng các tháng đầu năm có xu hướng giảm và từ tháng Bảy theo xu hướng tăng dần trở lại. Trong 10 tháng năm 2023, CPI tháng Một tăng cao nhất với 4,89%, sau đó giảm dần đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, tháng Bảy tăng ở mức 2,06%, đến tháng Mười tăng 3,59%. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm theo giá thế giới làm cho chỉ số giá nhóm xăng dầu so với cùng kỳ năm trước liên tục giảm, từ mức giảm 7,08% trong tháng 01/2023 đã giảm mạnh 31,73% trong tháng 6/2023 nhưng sang tháng Mười, giá xăng dầu đã tăng 7,22% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2023, CPI tăng 3,2% so với bình quân 10 tháng năm 2022.



1. Các yếu tố làm tăng CPI trong 10 tháng năm 2023

- Chỉ số giá nhóm vé máy bay bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 75,19% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do chi phí của các hãng bay và nhu cầu đi lại của người dân tăng cao, đặc biệt trong dịp Lễ, Tết, nghỉ hè đã tác động đến giá vận tải hàng không; giá vé tàu hỏa tăng 30,45%; giá vé ô tô khách tăng 7,84%.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 7,26% so với cùng kỳ năm trước do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tác động làm CPI chung tăng 0,45 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,74% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,27 điểm phần trăm, do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đó giá thuê nhà ở tăng cao.

- Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 5,48% tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm. Trong đó, giá gạo tăng 4,78% theo giá gạo xuất khẩu, tác động làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 2,64%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong các dịp Lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,56 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 4,39%, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm do nhu cầu sử dụng điện tăng và từ ngày 04/5/2023, Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân tăng 3%.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,42% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm, do nguyên liệu sản xuất và chi phí nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,37% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 0,15 điểm phần trăm, chủ yếu do từ tháng 7/2023, dịch vụ bảo hiểm y tế tăng theo mức lương cơ sở mới.

2. Các yếu tố làm giảm CPI trong 10 tháng năm 2023

- Chỉ số giá nhóm xăng dầu trong nước 10 tháng năm 2023 giảm 13,24% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá thế giới, tác động làm CPI chung giảm 0,48 điểm phần trăm; giá dầu hỏa giảm 10,09%.

- Chỉ số giá nhóm gas trong nước giảm 8,55% theo giá thế giới, tác động làm CPI chung giảm 0,12 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,69% do giá điện thoại thế hệ cũ giảm, tác động làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 10/2023 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,2%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 10 tháng năm 2023 giảm 13,24% so với cùng kỳ năm trước, giá gas giảm 8,55% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng 10 và 10 tháng từ năm 2019 đến năm 2023

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với tháng trước	0,15	0,07	-0,17	0,45	0,09
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	1,99	1,88	0,50	4,47	3,43
Lạm phát cơ bản 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	1,92	2,52	0,84	2,14	4,38

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.